

Số: **1517**/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **23** tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển khoa học
và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 1 năm 2014
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học
và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của
Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và
công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển
giao công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2015/TT-BKHHCN ngày 09 tháng 3 năm 2015 của
Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc
Chính phủ, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30 tháng
12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định
khoản chi thực hiện thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân
sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020
của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ có
sử dụng ngân sách nhà nước địa phương;*

*Căn cứ Quyết định số ~~1516~~/QĐ-UBND ngày ~~23~~ tháng ~~6~~ năm 2021 của
UBND tỉnh về việc Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển
Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế;*



Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế tại Tờ trình số 37/TTr-QPTKHCN ngày 28 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các thành viên: Hội đồng Quản lý Quỹ; Ban Kiểm soát Quỹ, Cơ quan điều hành Quỹ; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: TC, KHĐT;
- Công TTĐT tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP, CV: TC;
- Lưu: VT, CN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Bình



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý tài chính của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1517~~**1516**/QĐ-UBND ngày **23** tháng **6** năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với hoạt động quản lý tài chính của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Quỹ).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh

1. Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Quỹ thực hiện mọi khoản thu, chi công khai, minh bạch, đúng Điểm đích cho hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.
2. Các hoạt động sử dụng vốn của Quỹ phải đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định của Quỹ và phù hợp với quy định của Nhà nước, phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động của cơ quan, đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cán bộ, viên chức.
3. Quỹ hoạt động theo cơ chế tài chính áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu do ngân sách nhà nước đảm bảo một phần kinh phí hoạt động thường xuyên, hạch toán độc lập, không vì mục đích lợi nhuận; theo Điều lệ Quỹ đã được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VỐN, TÀI SẢN

Điều 4. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

Nguồn vốn hoạt động của Quỹ được hình thành từ các nguồn được quy định tại Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ban hành theo Quyết định số ~~1516~~**1516**/QĐ-UBND ngày **23** tháng **6** năm 2021 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ).

Điều 5. Quản lý và sử dụng vốn

1. Vốn của Quỹ được sử dụng cho các đối tượng được cấp, tài trợ, hỗ trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ lãi suất vay vốn, ủy thác và nhận ủy

thác và chi hoạt động của Quỹ theo quy định tại Điều 5 Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Quỹ được phép chuyển nguồn vốn kết dư (kể cả vốn do ngân sách nhà nước cấp) trong năm tài chính sang năm kế tiếp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

3. Mức chi, đối tượng chi từ Quỹ được thực hiện theo các quy định hiện hành về chi ngân sách Nhà nước và theo quy định tại Chương III quy chế này.

4. Vốn hoạt động và tài sản của Quỹ phải được sử dụng đúng Điểm đích, có hiệu quả. Các trường hợp tổn thất về vốn và tài sản của Quỹ phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ CỦA QUỸ

Hoạt động nghiệp vụ của Quỹ bao gồm cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay, hỗ trợ lãi suất vay vốn, ủy thác và nhận ủy thác để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 6. Hoạt động cấp kinh phí

1. Quỹ thực hiện cấp kinh phí:

a) Thực hiện: Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia ủy quyền cho địa phương quản lý; Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được ngân sách tỉnh hỗ trợ kinh phí, theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b) Việc cấp kinh phí căn cứ vào hợp đồng ký kết với tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ. Kinh phí được cấp phù hợp với tiến độ của hợp đồng;

c) Quỹ thực hiện tổng hợp số liệu quyết toán kinh phí cấp và báo cáo UBND tỉnh theo quy định hiện hành.

2. Quỹ không thực hiện việc xét chọn, tuyển chọn, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà Quỹ thực hiện cấp kinh phí.

3. Thanh toán và tạm ứng kinh phí thực hiện nhiệm vụ:

Thực hiện theo Điều 13 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

4. Hồ sơ tạm ứng và thanh toán kinh phí:

a) Hồ sơ tạm ứng lần đầu gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm:

- Quyết định phê duyệt nội dung và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (bản chính);

- Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì thực hiện (bản chính);
- Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ (bản chính);
- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng).

b) Thanh toán các khoản tạm ứng và cấp tạm ứng các lần tiếp theo

Hồ sơ thanh toán tạm ứng và cấp tạm ứng các đợt tiếp theo gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm:

- Báo cáo tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí đã cấp kèm theo Bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (bản chính);
- Biên bản kiểm tra tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng kinh phí của Sở Khoa học và Công nghệ (bản sao);
- Biên bản xác nhận giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán kèm phụ lục Bảng xác nhận giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán giữa Sở Khoa học và Công nghệ và tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ (bản chính);
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng của Quỹ;
- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (thanh toán) khoản chênh lệch thanh toán hoàn tạm ứng (nếu có);
- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (tạm ứng) đợt tiếp theo;
- Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Cấp lần cuối

Ngoài các hồ sơ quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này, hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước cần bổ sung như sau:

- Quyết định phê duyệt điều chỉnh nội dung và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ (nếu có) (bản chính);
- Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ điều chỉnh giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì (nếu có, bản chính);
- Báo cáo chi tiết kinh phí đề nghị quyết toán (bản chính);
- Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán của tổ chức chủ trì (bản chính);
- Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ mức “Đạt” trở lên (bản sao);
- Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền (bản sao);
- Thông báo xét duyệt quyết toán của Sở Khoa học và Công nghệ (bản chính);
- Biên bản thanh lý Hợp đồng nghiên cứu khoa học và công nghệ giữa Sở Khoa học và Công nghệ với tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ (bản chính);
- Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ (bản chính).

5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được ngân sách tỉnh hỗ trợ ủy quyền cho đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở quản lý được Quỹ cấp 01 lần (một lần) theo Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (phần ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh hỗ trợ). Hồ sơ gửi Kho bạc Nhà nước bao gồm:

- Quyết định phê duyệt nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ của đơn vị quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở (bản chính);
- Quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (phần ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh hỗ trợ) kèm thuyết minh nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính);
- Công văn đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ (bản chính);
- Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước (thanh toán).

6. Thời gian cấp kinh phí:

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Quỹ xem xét, thực hiện cấp kinh phí vào tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức có trụ sở chính hoặc ngân hàng thương mại (đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp).

Điều 7. Hoạt động tài trợ

1. Đối tượng được tài trợ

Quỹ tài trợ toàn bộ hoặc một phần cho tổ chức; cá nhân thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do tổ chức, cá nhân đề xuất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xuất bản, tái bản một số ấn phẩm có giá trị thuộc đề án “Tủ sách Huế”, như sau:

a) Các đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, ưu tiên các đề tài phù hợp với các định hướng đã được phê duyệt trong Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ quốc gia và Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của bộ hoặc tỉnh công bố hàng năm;

b) Các đề tài nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các đề tài nghiên cứu ứng dụng để tạo ra công nghệ mới, đổi mới công nghệ theo định hướng ưu tiên của tỉnh công bố hàng năm;

c) Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất mới phát sinh có ý nghĩa quan trọng về khoa học và thực tiễn, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc các lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học liên ngành;

d) Các nhiệm vụ xuất bản, tái bản các ấn phẩm có giá trị, các ấn phẩm là sản phẩm, kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có giá trị thuộc đề án “Tủ sách Huế”;

đ) Tài trợ (nếu có) một số đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của cơ quan Trung ương.

2. Nguyên tắc tài trợ

a) Cơ quan điều hành Quỹ thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ để xét duyệt thuyết minh đề cương các nhiệm vụ khoa học và công nghệ

được tài trợ (thuộc danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt, thông qua). Việc xét chọn phải được thực hiện công khai, dân chủ, bình đẳng theo đúng quy định;

b) Trong quá trình thực hiện, Hội đồng quản lý Quỹ được quyền điều chỉnh mức vốn tài trợ để phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tính hiệu quả của đề tài và phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc tài trợ phải được thực hiện đúng đối tượng, vốn tài trợ phải được sử dụng đúng Điểm đích và phải được giải ngân theo tiến độ thực hiện của đề tài. Nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Quỹ tài trợ không được trùng lặp với các nhiệm vụ đã hoặc đang thực hiện bằng nguồn vốn của Quỹ hoặc nguồn vốn khác của Nhà nước.

3. Mức tài trợ

Mức tài trợ cho một nhiệm vụ tại Khoản 1 Điều 7 Quy chế này tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ. Tổng mức tài trợ trong năm không quá 10% vốn điều lệ. Tùy theo nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trên cơ sở nội dung đề xuất, Cơ quan điều hành thẩm định nội dung và kinh phí đảm bảo không cao hơn mức Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

4. Tiêu chí tài trợ

a) Có hoạt động thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ghi tại Khoản 1 Điều này;

b) Có hồ sơ đề nghị tài trợ theo quy định của Hội đồng quản lý Quỹ và được Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn giao trực tiếp đề nghị với số điểm bình quân 70 điểm trở lên để trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt.

5. Hồ sơ, quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức tài trợ đối với các nhiệm vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 7 Quy chế.

a) Hồ sơ: Quy định tại Điều 15 Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước địa phương, ban hành kèm theo Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

b) Quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức tài trợ

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Cơ quan điều hành Quỹ yêu cầu cơ quan chủ trì hoàn thiện thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tổ chức thẩm định nội dung, kinh phí theo quy định tại Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định mức tài trợ.

6. Hồ sơ, quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức tài trợ đối với nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 7 Quy chế.

a) Hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị xuất bản, tái bản ấn phẩm của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền. Trong văn bản phải thuyết minh, lý giải về sự cần thiết xuất bản, tái bản ấn phẩm;

- + Bản tóm tắt nội dung ấn phẩm (không quá 1 trang giấy A4);
- + Hồ sơ khoa học (nếu có) đối với các ấn phẩm là kết quả nghiên cứu đã được Hội đồng KH&CN đánh giá, nghiệm thu xuất sắc, có mục tiêu xuất bản ấn phẩm để quảng bá, phổ biến rộng rãi;
- + Các tài liệu khác có liên quan.

b) Quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức tài trợ

Trên cơ sở kết luận của Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ, Cơ quan điều hành Quỹ tổ chức thẩm định nội dung, kinh phí theo quy định tại Quyết định số 72/2020/QĐ-UBND, trình Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định mức tài trợ.

7. Thời gian cấp kinh phí tài trợ

a) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thành các hồ sơ, thủ tục hợp lệ theo quy trình quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Quỹ xem xét, thực hiện cấp kinh phí tài trợ vào tài khoản tiền gửi của tổ chức chủ trì nhiệm vụ mở tại Kho bạc Nhà nước nơi tổ chức có trụ sở chính hoặc ngân hàng thương mại

b) Đối với các nhiệm vụ quy định tại Điểm d Khoản 1 Quy chế, thời hạn cấp kinh phí tài trợ được tính từ khi có Quyết định tài trợ của Hội đồng Quản lý Quỹ.

Điều 8. Hoạt động cho vay

1. Đối tượng được cho vay

Các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nguyên tắc cho vay

Quỹ cho vay theo nguyên tắc hoàn trả. Các đối tượng vay vốn phải đảm bảo theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Các dự án được vay với lãi suất ưu đãi hoặc không lấy lãi gồm:

a) Cho vay vốn không lấy lãi bao gồm các dự án ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được tạo ra trong nước; ứng dụng công nghệ cao hoặc sản xuất sản phẩm công nghệ cao; tạo việc làm và thu nhập tại các vùng nông thôn, miền núi, các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội;

b) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi bao gồm các dự án đổi mới công nghệ nhằm tạo ra các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng và sức cạnh tranh cao.

4. Điều kiện cho vay của Quỹ

a) Cho vay đối với doanh nghiệp thỏa mãn các điều kiện dưới đây:

- Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;
- Chủ doanh nghiệp thực hiện dự án có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Phải đảm bảo nguồn vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu 20% và phải đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện dự án;

- Có khả năng trả nợ trong thời hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Có 02 năm (hai năm) gần nhất hoạt động không lỗ;

- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Doanh nghiệp có dự án khả thi được hỗ trợ vay vốn từ Quỹ, thì không được hỗ trợ vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng khác của Nhà nước.

b) Cho vay đối với các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thỏa mãn các điều kiện dưới đây:

- Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ;

- Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;

- Có đội ngũ cán bộ đủ năng lực đảm nhiệm, có điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện dự án;

- Cá nhân chủ trì: có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với dự án xin vay vốn và có kinh nghiệm chủ trì ít nhất 01 dự án tương tự;

- Có khả năng trả nợ trong thời hạn quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký kết;

- Thực hiện các quy định về đảm bảo tiền vay theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Không phải là đơn vị đang chủ trì dự án bằng ngân sách nhà nước chưa được quyết toán;

- Không trùng lặp với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước (một phần hoặc toàn bộ).

c) Cho vay đối với cá nhân thỏa mãn các điều kiện dưới đây:

- Có dự án khả thi thuộc Điểm a, b Khoản 3 Điều này;

- Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Hợp đồng nghiên cứu/ứng dụng với 01 doanh nghiệp có 02 năm gần nhất hoạt động không lỗ;

- Bản cam kết của doanh nghiệp có hợp đồng về việc doanh nghiệp sẽ trả khoản nợ vay của Quỹ thay cho cá nhân trong trường hợp cá nhân không trả được nợ vay.

5. Mức vốn cho vay, thời hạn và lãi suất cho vay

a) Mức vốn cho vay trong phạm vi khả năng nguồn vốn của Quỹ, phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch thu - chi tài chính hàng năm đã được Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Mức cho vay đối với một dự án tối đa bằng 70% tổng giá trị của dự án đã được Quỹ thẩm định, nhưng không vượt quá một tỷ đồng (1.000.000.0000 đồng).

b) Thời hạn cho vay

Được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, nhưng không quá 36 tháng. Trường hợp đặc biệt do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Lãi suất cho vay

- Cho vay không lấy lãi đối với các dự án được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

- Cho vay với lãi suất ưu đãi, không vượt quá 50% lãi suất cho vay thương mại được Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định trong từng thời kỳ đối với các dự án đổi mới công nghệ quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này;

- Mức lãi suất cho vay quy định tại điều này là lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn thực hiện dự án.

6. Quy trình thẩm định và thẩm quyền quyết định mức vốn vay

a) Hồ sơ dự án đề nghị xét cho vay

Hồ sơ xin vay vốn thực hiện theo biểu mẫu và hướng dẫn của Hội đồng quản lý Quỹ, gồm có:

- Giấy đề nghị vay vốn/tài trợ;

- Mẫu lập dự án vốn vay/tài trợ.

b) Thẩm định cho vay và thẩm quyền cho vay

- Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cho vay không lấy lãi hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi đối với từng dự án cụ thể trên cơ sở đề nghị của Giám đốc cơ quan điều hành Quỹ;

- Đối với trường hợp cho vay với lãi suất thấp được thực hiện từ nguồn vốn huy động ngoài ngân sách để thực hiện các dự án, mức lãi suất cho vay được Quỹ công bố tại từng thời điểm, căn cứ vào thỏa thuận giữa Quỹ và tổ chức tín dụng trong nước và ngoài nước cho vay ưu đãi;

- Dự án được Hội đồng KH&CN thẩm định đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt trên 60% trở lên: mức vốn vay bằng 70% so với tổng vốn đầu tư, nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng.

7. Bảo đảm tiền vay

- Quỹ cho vay trên cơ sở có tài sản bảo đảm bằng các hình thức cầm cố tài sản, thế chấp tài sản và các biện pháp đảm bảo khác theo quy định của pháp luật

Trình tự, thủ tục bảo đảm tiền vay, xử lý tài sản bảo đảm thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định pháp luật có liên quan;

- Trong trường hợp việc cho vay không có tài sản bảo đảm đối với các dự án có tính chất đầu tư sẽ do Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

8. Quỹ thực hiện cho vay thông qua hình thức ủy thác cho tổ chức tín dụng theo hình thức Hợp đồng tín dụng. Quỹ tổ chức đánh giá, xét chọn nhiệm vụ cho vay theo các tiêu chí khoa học và công nghệ. Tổng số vốn cho vay, bảo lãnh vốn vay (tại Điều 9 quy chế này) hàng năm không quá 20%

vốn điều lệ của Quỹ. Tổng số dư nợ cho vay và bảo lãnh vốn vay không quá 50% vốn điều lệ của Quỹ.

9. Trích lập quỹ dự phòng rủi ro

a) Hàng năm, Quỹ được trích lập Quỹ dự phòng rủi ro để bù đắp các tổn thất không thu hồi được vốn đã ủy thác cho bên nhận ủy thác của Quỹ;

b) Mức trích lập quỹ dự phòng rủi ro được xác định bằng 0,75%/năm tính trên tổng dư nợ thực tế cuối năm. Nguồn hình thành Quỹ dự phòng rủi ro trên cơ sở cân đối thu nhập, chi phí hàng, năm của Quỹ (bao gồm thu, chi lãi suất, ủy thác và nhận ủy thác);

c) Khoản trích lập quỹ dự phòng rủi ro được tính vào chi phí của Quỹ. Cuối năm, nếu không sử dụng hết quỹ dự phòng rủi ro, số dư của quỹ được chuyển sang năm tiếp theo.

Số tiền thu hồi được từ các khoản ủy thác cho vay đã được xử lý rủi ro được hạch toán vào thu nhập khác của Quỹ theo quy định về kế toán.

Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro không đủ bù đắp tổn thất phát sinh trong năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

d) Thời điểm trích lập quỹ dự phòng rủi ro là cuối kỳ kế toán năm.

10. Hình thức thu hồi vốn vay và thu lãi: Việc thanh toán nợ vay được thực hiện ngay khi kết thúc thời hạn vay. Việc trả lãi vay thực hiện hàng quý bắt đầu từ khi hợp đồng vay có hiệu lực.

11. Xử lý sai phạm đối với trường hợp cho vay

a) Đối với các dự án đã được tài trợ sử dụng kinh phí sai Điểm đích, sai chế độ tiêu chuẩn quy định, thì Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định dừng việc thanh toán kinh phí còn lại và thu hồi phần kinh phí sử dụng sai Điểm đích, sai chế độ. Ngoài ra trong trường hợp sử dụng kinh phí sai Điểm đích, sai chế độ thì tùy theo mức độ sai phạm tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án còn phải chịu các chế tài xử lý vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp dự án phải ngừng triển khai hoặc không đạt kết quả theo dự kiến do nguyên nhân khách quan (đơn vị chủ trì bị phá sản, chủ nhiệm dự án qua đời hoặc mất tích, công trình nghiên cứu bị ảnh hưởng thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn,...) dẫn đến không đảm bảo hoàn trả kinh phí thu hồi, kinh phí cho vay thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

- Trong trường hợp này đơn vị chủ trì dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản (kèm theo các hồ sơ liên quan như: Quyết định công bố phá sản doanh nghiệp, giấy chứng tử, xác nhận mất tích của chính quyền địa phương, xác nhận của cơ quan phòng cháy chữa cháy, cơ quan phòng chống lụt bão về thiệt hại của dự án, chương trình,...) để Cơ quan điều hành Quỹ kiểm tra, xác nhận về quá trình triển khai thực hiện và lý do phải ngừng triển khai khả năng hoàn trả kinh phí ngân sách nhà nước;

- Sau khi kiểm tra xác nhận hồ sơ đề nghị xử lý rủi ro, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ xem xét quyết định xử lý;

- Trường hợp các dự án vay vốn vi phạm hợp đồng, trả nợ thu hồi, nợ vay không đúng hạn, chủ trì dự án phải chịu lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Đồng thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật, không được vay vốn thực hiện dự án tiếp theo khi chưa trả hết nợ vay;

- Trường hợp miễn giảm, thu hồi vốn vay báo cáo UBND tỉnh quyết định.

Điều 9. Hoạt động hỗ trợ lãi suất vay vốn để thực hiện dự án ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ

Hỗ trợ lãi suất vay vốn để thực hiện dự án ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ đối với các đối tượng quy định tại Điều 8 Nghị định số 76/2018/NĐ-CP, được cụ thể hóa tại Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định một số chính sách hỗ trợ đổi mới, cải tiến công nghệ, chuyển giao công nghệ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, giai đoạn 2021 – 2030.

1. Đối tượng được hỗ trợ lãi suất vay vốn:

- Có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Có hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) từ tổ chức khoa học và công nghệ;

- Công nghệ được chuyển giao thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật;

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 2%/năm lãi suất vay vốn, nhưng tối đa không quá 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng)/dự án, đối với khoản vay thực hiện nội dung chuyển giao công nghệ trong dự án, để thực hiện tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ, nhằm cải tiến, đổi mới công nghệ, sử dụng tối đa hiệu suất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm.

3. Hồ sơ, quy trình xét hỗ trợ

a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

- Đơn đề nghị hỗ trợ;

- Dự án đầu tư được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật;

- Hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (nếu thuộc đối tượng phải đăng ký chuyển giao công nghệ) từ tổ chức khoa học và công nghệ;

- Hợp đồng vay vốn từ ngân hàng và hồ sơ, chứng từ trả nợ lãi vay.

- Báo cáo thuyết minh dự kiến hiệu quả hoạt động chuyển giao công

nghe bao gồm các báo cáo về hiệu quả kinh tế và hiệu quả khác từ chuyển giao công nghệ (đối với hỗ trợ lãi suất vay sau khi thực hiện dự án đầu tư).

b) Thẩm định và thẩm quyền quyết định hỗ trợ:

Hội đồng quản lý Quỹ quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với từng dự án cụ thể. Dự án được quyết định hỗ trợ là dự án được Hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá tính khả thi và hiệu quả đạt 60% trở lên.

c) Thời gian hỗ trợ lãi suất vay vốn: Là thời gian theo hợp đồng vay của khoản vay thực hiện nội dung chuyển giao công nghệ của dự án được phê duyệt. Không thực hiện hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với dự án trễ hạn, cũng như thời gian khoản vay bị khoanh nợ, gia hạn nợ.

d) Xử lý sai phạm:

Thu hồi 100% khoản kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với những dự án không thực hiện theo đúng mục tiêu, nội dung, cam kết với Cơ quan điều hành Quỹ khi tiếp nhận hỗ trợ. Đối với các dự án bị ảnh hưởng của các tác nhân khách quan: thiên tai, cháy nổ, dịch bệnh,...thì xem xét thu hồi một phần kinh phí hỗ trợ lãi suất vay vốn, hoặc miễn giảm toàn bộ. Việc xem xét thu hồi, miễn giảm do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định trên cơ sở kết luận tư vấn của Hội đồng khoa học và công nghệ.

Điều 10. Hoạt động bảo lãnh vốn vay

1. Đối tượng bảo lãnh vốn vay: các dự án khoa học và công nghệ do UBND tỉnh giao.

2. Điều kiện để chủ dự án được bảo lãnh vốn vay

a) Dự án đã được tổ chức tín dụng khác thẩm định cho vay và có văn bản yêu cầu bảo lãnh gửi Quỹ;

b) Phương án tài chính, phương án trả nợ vốn vay được Quỹ chấp thuận;

c) Có tài sản bảo đảm bằng hình thức cầm cố, thế chấp được Quỹ chấp nhận.

3. Mức và thẩm quyền quyết định mức bảo lãnh

Không vượt quá mức vốn vay.

4. Thời hạn bảo lãnh vốn vay

Được xác định phù hợp với thời hạn vay vốn đã thỏa thuận giữa chủ dự án với tổ chức tín dụng cho vay thực hiện dự án, nhưng không quá khung thời gian cho vay được quy định của Quỹ.

5. Phí bảo lãnh vốn vay

Chủ dự án được bảo lãnh vốn vay phải trả cho Quỹ một khoản phí bảo lãnh bằng phần trăm (%) trên tổng số tiền đang bảo lãnh. Mức cụ thể theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính.

Điều 11. Hoạt động hỗ trợ của Quỹ

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Các hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh, nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo Điều 5 Điều lệ Quỹ;

b) Cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới.

2. Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ trong phạm vi của tỉnh sau đây:

a) Tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế tại Việt Nam;

b) Tham dự và báo cáo công trình nghiên cứu khoa học xuất sắc tại hội thảo chuyên ngành quốc tế;

c) Thực tập, hợp tác nghiên cứu ngắn hạn (dưới 6 tháng) của nhà khoa học, nghiên cứu sinh đang thực hiện đề tài do Quỹ tài trợ tại các tổ chức khoa học, phòng thí nghiệm ở nước ngoài mà trong nước chưa có đủ điều kiện thực hiện;

d) Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

d) Đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;

e) Xuất bản công trình khoa học có giá trị cao về khoa học và thực tiễn, là kết quả của đề tài/dự án do Quỹ hoặc nguồn ngân sách khác của nhà nước tài trợ;

g) Hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm của nhà khoa học đầu ngành;

h) Hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

i) Khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nghiên cứu, hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ tỉnh do Quỹ tài trợ, hỗ trợ.

3. Mức hỗ trợ kinh phí

a) Nội dung và định mức hỗ trợ kinh phí được thực hiện theo các quy định của Nhà nước đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia, cấp bộ và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các quy định hiện hành khác của nhà nước có liên quan.

b) Tổng kinh phí hỗ trợ một số hoạt động nhằm nâng cao năng lực khoa học và công nghệ hàng năm không quá 10% vốn điều lệ của Quỹ;

c) Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch và dự toán hỗ trợ trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt;

d) Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ quyết định phê duyệt hỗ trợ kinh phí cho đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều này với mức tối đa không quá 30 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 12. Ủy thác và nhận ủy thác

1. Hoạt động ủy thác

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính (gọi tắt là tổ chức tín dụng) thực hiện cho vay và thu hồi nợ theo Hợp đồng ủy thác. Giám đốc Quỹ quyết định việc lựa chọn tổ chức tín dụng và ký hợp đồng ủy thác, Tổ chức tín dụng khi cho vay phải thực hiện đúng quy định tại hợp đồng ủy thác;

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác;

2. Hoạt động nhận vốn ủy thác

a) Quỹ được nhận vốn ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để tài trợ hoặc cho vay các dự án theo hợp đồng ủy thác;

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác cho vay và thu hồi nợ theo hợp đồng ủy thác.

3. Quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác

Nguồn vốn ủy thác và nhận ủy thác phải được theo dõi, quản lý riêng. Kết thúc thời hạn ủy thác và nhận ủy thác, Quỹ có trách nhiệm thu hồi các khoản tài trợ, cho vay theo ủy thác và quyết toán nguồn vốn ủy thác và nhận ủy thác theo hợp đồng đã ký.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VỀ THỰC HIỆN CHO VAY, TÀI TRỢ, HỖ TRỢ, BẢO LÃNH VỐN VAY VÀ ỦY THÁC

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Phê duyệt kế hoạch hoạt động và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ. Hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục và thanh quyết toán vốn vay, bảo lãnh và tài trợ, hỗ trợ.

2. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do Quỹ tài trợ; Phê duyệt chủ trương, quyết định mức kinh phí tài trợ cho các đối tượng được tài trợ;

3. Quy định các tiêu chí đánh giá, xét chọn dự án được tài trợ, cho vay từ nguồn vốn của Quỹ.

4. Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ, các báo cáo kết quả kiểm soát và báo cáo thẩm định quyết toán tài chính của Ban Kiểm soát Quỹ.

5. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Cơ quan điều hành Quỹ trong việc thực hiện các quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.

6. Quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ, bảo lãnh vốn vay và hỗ trợ lãi suất vay vốn theo các quy định tại quy định này.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Kiểm tra hoạt động tài chính, giám sát việc chấp hành chế độ kế toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm soát nội bộ; thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Định kỳ hàng quý, năm và theo vụ việc, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ bằng văn bản kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính của Quỹ.

2. Xem xét, trình Hội đồng quản lý Quỹ giải quyết khiếu nại, tố cáo của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động tài chính của Quỹ.

Điều 15. Trách nhiệm của Cơ quan điều hành Quỹ

1. Thực hiện cấp và quyết toán với Kho bạc Nhà nước số kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học về công nghệ cấp quốc gia ủy quyền cho địa phương quản lý, kinh phí đối ứng thực hiện các nhiệm vụ cấp quốc gia, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, các nhiệm vụ khoa học về công nghệ cấp cơ sở được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh theo hồ sơ do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp.

2. Thực hiện thành lập Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ đề xuất danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, phê duyệt, ban hành danh mục.

3. Thực hiện thẩm định, đánh giá về xét chọn các nhiệm vụ đề trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định tài trợ, cho vay, hỗ trợ và hỗ trợ lãi suất vay vốn đối với từng nhiệm vụ cụ thể theo quy định.

4. Ủy thác cho tổ chức tín dụng ký hợp đồng cho vay, bảo lãnh vốn vay theo quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ đối với từng khoản vay và bảo lãnh vốn vay.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước trong việc cấp phát và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và các khoản chi tiêu của Quỹ ngoài Khoản 1 Điều 14 Quy chế này.

6. Phối hợp với tổ chức tín dụng theo dõi và thu hồi các khoản vốn vay, lãi vay đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết.

7. Trình Hội đồng quản lý Quỹ biện pháp xử lý các trường hợp vi phạm.

Điều 16. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân được Quỹ cấp kinh phí, tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vay vốn, bảo lãnh vốn vay hỗ trợ và nhận ủy thác

1. Sử dụng kinh phí hiệu quả, đúng Điểm đích, đúng chế độ tiêu chuẩn, định kỳ có báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo quy định.

2. Thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng, các chế độ do Quỹ quy định và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân được nhận kinh phí tài trợ, vay vốn, hỗ trợ của Quỹ thực hiện quyết toán trực tiếp với Cơ quan điều hành Quỹ.

Điều 17. Thẩm quyền xử lý rủi ro

1. Kinh phí cấp từ nguồn ngân sách nhà nước cho thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển khoa học và công nghệ. Việc xử lý rủi ro theo quy định quản lý của từng loại nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Dự án được vay vốn khi đang tiến hành mà gặp phải các trường hợp rủi ro dưới đây dẫn đến không thể thực hiện được dự án, thì được xem xét miễn, giảm kinh phí cho vay, lãi suất cho vay, gia hạn thời hạn vay.

- a) Đơn vị thực hiện dự án bị phá sản;
- b) Cá nhân chủ nhiệm dự án bị chết hoặc mất tích;
- c) Trong quá trình thực hiện gặp các yếu tố khách quan: Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và các trường hợp bất khả kháng khác, dẫn đến không thể thực hiện được dự án.
- d) Trong các trường hợp này đơn vị thực hiện dự án phải báo cáo kịp thời cho Cơ quan điều hành Quỹ bằng văn bản.

3. Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ quyết định xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 18. Xử lý nợ quá hạn

Trường hợp các dự án vay vốn vi phạm hợp đồng, trả nợ vay không đúng hạn, chủ dự án phải chịu lãi phạt quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (đối với cả phần gốc và lãi trong hạn). Đồng thời phải chịu trách nhiệm thực hiện các chế tài về thu nợ và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

Chương V

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA QUỸ

Điều 19. Kinh phí hoạt động của bộ máy Quỹ

- 1. Ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động thường xuyên theo dự toán hàng năm.
- 2. Thu từ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ tại Chương III Quy chế này.
- 3. Thu nhập từ hoạt động tài chính.
- 4. Các khoản thu khác.

Điều 20. Chi hoạt động của Quỹ

- 1. Chi cho bộ máy quản lý Quỹ
 - a) Chi tiền lương, phụ cấp lương, tiền công và các khoản mang tính chất tiền lương, tiền công cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hợp đồng của Quỹ;
 - b) Chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đóng góp kinh phí công đoàn theo chế độ Nhà nước quy định;
 - c) Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và các chức danh kiêm nhiệm;

d) Chi mua sắm công cụ, dụng cụ, vật tư văn phòng;

d) Chi về cước phí bưu điện, truyền tin: Chi về bưu phí, truyền tin, điện thoại, điện báo, thuê kênh truyền tin, internet, telex, fax....

c) Chi thanh toán dịch vụ công cộng: điện, nước, nhiên liệu vệ sinh cơ quan, bảo vệ môi trường...

g) Chi công tác phí cho cán bộ đi công tác trong và ngoài nước theo quy định của Nhà nước;

h) Chi thuê mướn (phương tiện vận chuyển, thiết bị, dịch vụ phục vụ công tác chuyên môn, thuê lao động, chuyên gia trong và ngoài nước);

i) Mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản;

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định.

2. Chi hoạt động nghiệp vụ:

a) Chi phí huy động vốn;

b) Chi phí dịch vụ thanh toán;

c) Chi dịch vụ ủy thác theo hợp đồng ủy thác;

d) Chi trích lập quỹ dự phòng rủi ro;

đ) Chi cho các hoạt động về thẩm định đầu tư, cho vay, tài trợ, hỗ trợ lãi suất vay vốn, thanh tra, kiểm tra thu hồi nợ đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng vốn của Quỹ;

e) Chi thuê chuyên gia: Mức chi thuê chuyên gia để thẩm định công nghệ cho các dự án được vay vốn theo thỏa thuận cho từng dự án tại thời điểm vay vốn;

g) Chi phí tuyển chọn, xét chọn, thẩm định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, cho vay;

h) Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tài trợ, cho vay, hỗ trợ lãi suất vay vốn (áp dụng theo các quy định hiện hành);

i) Chi cho việc xử lý phát mại tài sản thế chấp vay vốn của Quỹ;

k) Các chi phí nghiệp vụ khác theo quy định của Nhà nước.

3. Các khoản chi không thường xuyên: Đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức; chi đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; và các khoản chi không thường xuyên khác.

Điều 21. Chế độ quản lý chi tiêu

1. Căn cứ dự toán hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt và các khoản thu hợp pháp của Quỹ, Quỹ xây dựng dự toán chi theo chế độ hiện hành.

2. Giám đốc Quỹ ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công phù hợp với các quy định của nhà nước.

3. Quỹ không được hạch toán vào chi phí các khoản sau:

a) Các khoản thiệt hại đã được hỗ trợ hoặc cơ quan bảo hiểm, bên gây thiệt hại bồi thường;

b) Các khoản chi phạt do vi phạm hành chính do nguyên nhân chủ quan, phạt vi phạm chế độ tài chính;

c) Các khoản chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, cải tạo tài sản cố định thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Điều 22. Quản lý và sử dụng tài sản

Việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản nhà nước tại Quỹ được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành áp dụng.

Điều 23. Phân phối thu nhập và sử dụng các Quỹ

1. Phân phối thu nhập

Hàng năm sau khi trang trải các khoản chi phí và các khoản nộp theo quy định, phần chênh lệch thu lớn hơn chi được phân phối như sau:

- a) Trích 25% vào quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp;
- b) Trích lập Quỹ bổ sung thu nhập tối đa không quá 2 lần quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp lương do Nhà nước quy định;
- c) Trích lập Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi tối đa không quá 2 tháng tiền lương, tiền công thực hiện trong năm của đơn vị;
- d) Số còn lại sau khi trích lập các Quỹ trên sẽ được bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

2. Nội dung chi các quỹ: Thực hiện theo quy định hiện hành đối với cơ chế quản lý chi các Quỹ tại đơn vị sự nghiệp công lập

Điều 24. Lập và phê duyệt kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ

1. Hàng năm Quỹ xây dựng dự toán hoạt động của Quỹ gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp trong dự toán chi hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của tỉnh.

2. Căn cứ dự toán được UBND tỉnh phê duyệt, Cơ quan điều hành Quỹ lập kế hoạch tài chính gửi cho Ban Kiểm soát thẩm định, trình Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt.

3. Quỹ không lập dự toán cho các nguồn vốn được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Điều lệ Quỹ (nguồn kinh phí này do Sở Khoa học và Công nghệ lập và trình UBND tỉnh phê duyệt).

Chương VI

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, THỐNG KÊ

Điều 25. Công tác tài chính kế toán, quyết toán, thống kê

1. Quỹ thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê theo quy định của Luật Kế toán/Luật Ngân sách, Luật Thống kê và các văn bản hướng dẫn thực hiện liên quan.

2. Quỹ áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, đơn vị sự nghiệp) để thực hiện công tác kế toán của Quỹ.

3. Giám đốc Quỹ lập báo cáo quyết toán tài chính hàng năm của Quỹ gửi Ban kiểm soát, Hội đồng quản lý Quỹ và cơ quan quản lý tài chính theo quy định.

Điều 26. Kiểm tra, giám sát tài chính

1. Hàng năm Quỹ phải thực hiện tự kiểm tra tài chính kế toán theo “Quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan đơn vị có sử dụng ngân sách Nhà nước” ban hành kèm theo Quyết định 67/2004/QĐ-BTC ngày 13 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế về tự kiểm tra tài chính, kế toán tại cơ quan, đơn vị có sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước.

2. Quỹ chịu sự kiểm tra tài chính theo quy định hiện hành của Luật ngân sách.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Giao Cơ quan điều hành Quỹ ban hành bộ hồ sơ cho từng hoạt động nghiệp vụ, hướng dẫn các đối tượng sử dụng Quỹ các thủ tục chi tiết để giải ngân thuận tiện.

2. Sở Khoa học và Công nghệ giúp UBND tỉnh quản lý thực hiện chức năng nhà nước về hoạt động chung của Quỹ.

3. Sở Tài chính giúp UBND tỉnh hiện chức năng quản lý nhà nước về các hoạt động tài chính của Quỹ.

4. Kho bạc Nhà nước tỉnh kiểm soát thanh toán các khoản chi từ Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước, vốn huy động của các tổ chức, cá nhân khác trong quá trình hoạt động theo điểm đích hoạt động của Quỹ.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cần bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình cụ thể, Cơ quan điều hành Quỹ báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ nghiên cứu, kiến nghị UBND tỉnh xem xét giải quyết./.